**NỘI DUNG ÔN TẬP THI HỌC KÌ II – KHỐI 11**

**BÀI 9: NHẬT BẢN**

**Tiết 1: TỰ NHIÊN – DÂN CƯ – TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIEN**

- Vị trí : Nằm ở Đông Á, dài trên 3800 km, bao gồm 4 đảo lớn nhỏ và hàng ngàn đảo nhỏ.

- Biển: Nhiều vũng vịnh, có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau bao quanh quần đảo tạo nên ngư trường lớn

**-** Địa hình**:** chủ yếu là đồi núi, đồng bằng nhỏ hẹp ven biển.

- Sông ngòi**:** ngắn dốc -🡪 có giá trị thủy điện.

**-** Khí hậu**:** Gió mùa, mưa nhiều, kéo dài Bắc –Nam (cận nhiệt, ôn đới ) 🡪pt nông nghiệp đa dạng.

**-** Khó khăn**:**

***+*** *Núi lửa – động đất* : Mỗi năm có 80 ngọn núi hoạt động và hàng ngàn trận động đất lớn nhỏ

***+*** *Khoáng sản****:*** Nghèo khoáng sản chủ yếu Than đá, đồng

**II. DÂN CƯ**

- Dân số : Đông.

- Tỷ suất gia tăng thấp 0.1% (2005) 🡪 dân số có xu hướng già hóa.

- Phân bố : dân cư tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển

- Người lao động Nhật Bản cần cù, ý thức làm việc cao, nhà nước đầu tư cho giáo dục.

**Tiết 2: CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ NHẬT**

**I. Các ngành kinh tế:**

**1. Công nghiệp:**

- CN đứng thứ hai thế giới sau Hoa Kì

- Các ngành chiếm vị trí cao trên thế giới: Đóng tàu, ô tô, xe máy, rô bốt, dệt may, máy ảnh…

- Mức độ tập trung cao, nhiều nhất là trên đảo Hôn su.

- Các trung tâm CN tập trung chủ yếu ở ven biển, đặc biệt phía Thái Bình Dương

**2. Dịch vụ:**

- Chiếm 68% giá trị GDP

**- Cường quốc thương mại và tài chính**

**- Thương mại:** Thứ tư thế giới,.

**- GTVT biển**: Có vai trò đặc biệt quan trọng, đứng thứ ba thế giới.

Các cảng lớn 4: Cô bê, I – ô – cô – ha - ma, Tô ky ô, Ô xa ca

**- Tài chính, ngân hàng** : Đứng hàng đầu thế giới, đầu tư nước ngoài ngày càng tăng

**3. Nông nghiệp:**

- Vai trò thứ yếu trong nền kinh tế, chiếm 1% GDP

- Diện tích đất canh tác ít: chỉ chiếm 14% diện tích lãnh thổ

- Nền NN thâm canh cao

- Trồng trọt : + Lúa gạo : Chiếm 50% diện tích đất canh tác, ngày càng giảm.

+ Các cây có sản lượng đứng đầu thế giới: Chè, thuốc lá, dâu tằm

- Chăn nuôi : phát triển: bò, lợn, gà…

- Đánh bắt, nuôi trồng hải sản :

+ Nuôi trồng được chú trọng phát triển (tôm, sò, ốc, rau câu, nuôi trai lấy ngọc…)

+ Đánh bắt có sản lượng: ngày càng tăng (cá thu, cá ngừ, tôm, cua…)

**BÀI 10: CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG QUỐC (TQ)**

**Tiết 1: TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI TQ**

**I. Vị trí địa lí và lãnh thổ:**

- Diện tích lớn thứ 4 thế giới ( sau Nga, Canada, Hoa Kì )

- Nằm ở Đông Á. Lãnh thổ kéo dài từ 230 B – 530 B.

- Giáp 14 nước, phía Đông giáp biển, đường bờ biển dài 9000 km.

- 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc TW

**II. Điều kiện tự nhiên:** Lấy ranh giới kinh tuyến 1500 Đ

**1. Miền Đông:**

- Vị trí: Trải dài từ duyên hải vào đất liền tới 1500 Đ chiếm 50% diện tích đất nước

- Địa hình: Có các đồng bằng rộng lớn màu mỡ => thuận ợi nông nghiệp

- Khoáng sản: Kim loại màu

- Khí hậu: Cận nhiệt đới và ôn đới gió mùa

- Sông ngòi: Có nhiều sông lớn ( s. Hoàng Hà, s. Trường Giang, s. Hắc Long Giang) cung cấp nước cho nông nghiệp, tuy nhiên cũng thường gây lụt lội.

- Biển: Có đường bờ biển dài => thuận lợi đánh bắt thủy hải sản, GT biển.

**2. Miền Tây:**

- Vị trí: Phía tây kinh tuyến 1500 Đ

- Địa hình: Bao gồm các dãy núi cao, sơn nguyên, xen lẫn bồn địa => đất đai cằn cỗi => không thuận lợi PTNN

- Khoáng sản: Than, sắt, dầu mỏ => phát triển công nghiệp.

- Khí hậu: núi cao va ôn đới lục địa khắc nghiệt

- Sông ngòi: Là nơi bắt nguồn của các con sông lớn. => phát triển thủy điện.

- Rừng có diện lớn.

**III. Dân cư và xã hội:**

**1. Dân cư:**

- Dân số: Đông nhất thế giới (chiếm 1/5 DS thế giới)

- Chính sách dân số triệt để: mỗi gia đình chỉ có 1 con => tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp 0,6%

- Có trên 50 dân tộc ( người Hán trên 90% DS )

- Phân bố dân cư không đều, tập trung chủ yếu ở miền Đông. Tỉ lệ dân thành thị: 37% DS

**Tiết 2: KINH TẾ TRUNG QUỐC**

**II. CÁC NGÀNH KINH TẾ.**

**1. Công nghiệp:**

**a. Chiến lược phát triển:**

- Thay đổi cơ chế quản lí từ **nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường**

- Thực hiện chính sách mở cửa tăng cường trao đổi hàng hóa với thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài

- Hiện đại hóa trang thiết bị sản xuất, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất

**b. Thành tựu:**

**-** Cơ cấu ngành đa dạng, tập trung vào 5 ngành: chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, SX ô tô, xây dựng.

- Chế tạo thành công tàu vũ trụ Thần Châu V năm 2003.

- Sản lượng nhiều ngành CN đứng vị trí hàng đầu: than, thép, xi măng, phân đạm, điện.

- Phát triển CN ở nông thôn với các ngành: vật liệu xây dựng, gốm sứ, dệt may…

- Phân bố: Tập trung chủ yếu ở miền Đông.

**2. Nông nghiệp:**

**-** Có 100 triệu ha đất canh tác ( 7% đất canh tác thế giới.

- Nhà nước có chiến lược phát triển KT mới cho Nông nghiệp

+ Giao quyền sử dụng đất

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn: đường giao thông, thủy lợi…

+ Áp dụng thành tựu KHKT.

* Kết quả: đứng đầu thế giới về: lương thực, bông, thịt lợn.
* Tập trung chủ yếu ở đồng bằng phía Đông.

**THỰC HÀNH: VẼ BIỂU ĐỒ TRÒN, CỘT**

**TÍNH TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG**